TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST Ngày: 04 - 4 - 2024 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến.

Ông Doãn Văn Sáng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tham gia phiên toà*:** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục từ năm 2020, nhưng đến ngày 14 tháng 6 năm 2021 chị và anh Đ mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau lễ cưới, chị T về chung sống cùng anh Đ và gia đình tại thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận và có 01 con chung, đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do vợ chồng tình tình không hòa hợp, anh Đ mải chơi, thiếu quan tâm xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi mắng xúc phạm lẫn nhau. Gia đình cũng động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng

sống ly thân nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Chị T và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Trần Thiện N, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2021. Khi ly hôn, chị T đề nghị để anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, anh Đ thống nhất trình bày về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Theo anh Đ, nguyên nhân mâu thuẫn là do trong đời sống vợ chồng anh đã phạm sai lầm, để chị T phải buồn. Tuy nhiên, bản thân anh còn rất yêu vợ nên anh mong muốn được đoàn tụ. Về con chung, anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Thiện N và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị T không có tài sản chung.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Giao con chung tên Nguyễn Trần Thiện N cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị Trần Thị T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn Đ hiện đang cư trú tại thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của chị Trần Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc kết hôn giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu xác minh tại gia đình, tại địa phương thống nhất thể hiện, đời sống chung của chị T và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, anh Đ thiếu quan tâm xây dựng kinh tế gia đình. Vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm dẫn đến xảy ra cãi mắng xúc phạm nhau. Gia đình đã động viên nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Hiện nay chị T và anh Đ không còn chung sống cùng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2023 cho đến nay. Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Tòa án mở phiên hòa giải và phiên tòa theo quy định của pháp luật, anh Đ thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có hành động gì để làm chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Mặt khác, trong thời gian ly thân, giữa anh Đ và chị T vẫn tiếp tục xảy ra cãi mắng xúc phạm nhau. Từ đây thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh Đ.

[4] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung tên Nguyễn Trần Thiện N sinh ngày 28 tháng 6 năm 2021. Khi ly hôn, chị T có đề nghị để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét: Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thống nhất thể hiện, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung tên Nguyễn Trần Thiện N đang ở cùng anh Đ và được chăm sóc phát triển bình thường về tâm sinh lý. Các đương sự thống nhất thỏa thuận trường hợp vợ chồng ly hôn thì giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để ổn định đời sống của con chung và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thiện N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Trần Thị T đề nghị để tự thỏa thuận với anh Nguyễn Văn Đ về việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết. Anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung trong vụ án này.

[6] Về án phí, chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Thiện N sinh ngày 28 tháng 6 năm 2021 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0008933 ngày 09/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

6.Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lập Lễ, H. Thủy Nguyên;
(Giấy đăng ký kết hôn ngày 14/6/2021)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huân